

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19-12-2022

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị Hà Thị T và anh Phạm Hồng P*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Lý;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình;
2. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 206/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXX - ST ngày 17 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2022/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1995;

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: S, N, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn: Anh Phạm Hồng P, sinh năm 1990;

Địa chỉ cư trú: Thôn H, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 9 năm 2022, bản tự khai đề ngày 14 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Hà Thị T trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Hồng P kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 03 tháng 10 năm 2019. Trước khi kết hôn, anh chị chung sống như vợ chồng và đã có hai con là Phạm Tú A và Phạm Huyền A. Sau đó anh chị mới đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống ngay từ lúc mang thai cháu Phạm Tú A vợ chồng chung sống đã không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh chị luôn bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, hai bên không tin tưởng nhau, nghi ngờ lòng chung thủy của nhau dẫn đến thường xuyên cãi chửi nhau. Anh P cũng không quan tâm đến chị. Không thể chịu đựng được nên chị đã rời nhà đi làm ăn xa ở B từ cuối năm 2020 đến nay. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 6 năm 2021, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh P không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

1.2 Về nuôi con chung: Chị và anh P có 02 con chung tên là Phạm Tú A, sinh ngày 28 tháng 01 năm 2017 và Phạm Huyền A, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2018. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng: do hoàn cảnh kinh tế của chị rất khó khăn, thu nhập không ổn định, chị phải đi thuê ở trọ. Hiện tại các con đều do anh P đang chăm sóc và nuôi dưỡng. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giao cho anh P được nuôi dưỡng hai con.

1.3 Về chia tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng chị không có khoản vay nợ chung ai hay bất cứ cơ quan, tổ chức xã hội nào và không cho ai vay nợ gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 01 tháng 11 năm 2022, bà Phạm Thị H (là mẹ đẻ của anh P) trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị T và anh P đúng như chị T đã trình bày. Quá trình chung sống hai bên luôn bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mỗi lần mâu thuẫn, bất hòa xảy ra là chị T lại bỏ đi. Sau đó anh P có đi tìm chị T về nhưng chỉ được một thời gian khi anh, chị mâu thuẫn chị T lại tiếp tục bỏ nhà đi. Từ tháng 6 năm 2021, anh chị sống ly thân nhau. Nay chị T xin ly hôn anh P, bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T, cho chị T được ly hôn anh P để chị T được tự do vì anh chị không có khả năng đoàn tụ.

Về con chung: Anh P và chị T có 02 con chung đúng như chị T đã trình bày. Hiện nay cả hai con đều đang ở với anh P và gia đình bà. Bà đề nghị Tòa án giao cả 02 cháu Tú A và Huyền A cho anh P nuôi dưỡng. Hiện nay anh P đang làm công nhân công ty điện tử ở tỉnh H (Bà không nhớ địa chỉ cụ thể), thu nhập của

anh P từ 10 triệu đến 12 triệu đồng/tháng, Ngoài ra bà cũng hỗ trợ, giúp đỡ anh P trong việc trông nom, chăm sóc 02 cháu. Từ nhỏ đến nay cả 02 cháu sống cùng bà và anh P, được bà và anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự ổn định, kể cả về chỗ ở cũng như việc học tập cho 02 cháu, bà đề nghị Tòa án giao cả 02 cháu Tú A và Huyền A cho anh P nuôi dưỡng. Công việc và chỗ ở của chị T không ổn định nên chị T không có điều kiện để trực tiếp nuôi con.

Về tài sản: Anh chị không có tài sản chung. Về nợ chung: Bà H cung cấp: Anh chị không có khoản vay nợ chung đối với cá nhân hay tổ chức nào.

3. Về việc giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh P, bà H trình bày: Việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị T, anh P đã biết. Do anh P đi làm ăn xa nên các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho anh P, bà đã nhận được đầy đủ. Sau mỗi lần nhận được bà đều gọi điện thông báo lại ngay cho anh P biết, khi anh P về nhà, bà cũng giao lại tận tay ngay cho anh P.

4. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, địa phương cung cấp như sau: Trước khi kết hôn anh chị có hai con chung là Phạm Tú A và Phạm Huyền A. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra bất hòa. Mỗi lần mâu thuẫn là chị T lại bỏ đi, sau đó anh P có đi tìm chị T về. Tuy nhiên chỉ được một thời gian ngắn thì anh chị lại nảy sinh mâu thuẫn, từ tháng 6 năm 2021 chị T đã bỏ nhà đi. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn anh P, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của chị T, anh P và quy định của pháp luật để giải quyết. Bản thân anh P có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con, gia đình anh P cũng hỗ trợ anh P để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cho các cháu. Về tài sản của chị T, anh P: Địa phương không nắm rõ; anh chị cũng không vay nợ chung tổ chức xã hội nào tại địa phương.

Ngoài ra, địa phương còn cung cấp thêm: chị T, anh P hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình. Anh P đi làm ăn xa nên thi thoảng mới về, anh P thường xuyên liên lạc với gia đình. Từ tháng 6 năm 2021 chị T không còn sinh sống tại địa phương.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Hà Thị T được ly hôn anh Phạm Hồng P.

+ Về nuôi con chung: Xử giao cho anh Phạm Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Phạm Tú A sinh ngày 28 tháng 01 năm 2017 và Phạm Huyền A, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2018. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về chia tài sản chung: Do chưa có lời trình bày của anh P, chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

+ Án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Hà Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phạm Hồng P có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại thôn H, xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[1.2] Nguyên đơn, chị Hà Thị T có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung:

[2.1] **Quan hệ hôn nhân:** Chị Hà Thị T và anh Phạm Hồng P đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 03 tháng 10 năm 2019 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra bất hòa. Theo chị T là do anh chị thiếu niềm tin ở nhau, vợ chồng nghi kỵ lẫn nhau, anh P thì không quan tâm đến chị. Chính vì vậy chị đã rời nhà đi làm ăn xa, vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ từ tháng 6 năm 2021 đến nay. Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, mặc dù anh P đã biết việc chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh, nhưng anh không đến Tòa án làm việc, cũng không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để thể hiện quan điểm, nguyện vọng của anh P. Điều này chứng tỏ anh P cũng không tha thiết gì với cuộc hôn nhân hiện tại và không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Qua xác minh tại UBND xã N và lấy lời khai của người làm chứng cũng thể hiện: Chị T và anh P thường xuyên xảy ra bất hòa, hiện tại anh chị sống ly thân mỗi người một nơi.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị T và anh P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Hà Thị T được ly hôn anh Phạm Hồng P.

[2.2] Về nuôi con chung: Hiện tại các con Phạm Tú A sinh ngày 28 tháng 01 năm 2017 và Phạm Huyền A, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2018 đều do anh P đang chăm sóc và nuôi dưỡng. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giao cho anh P được tiếp tục nuôi dưỡng hai con. Tuy anh P vắng mặt không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án nhưng trong quá trình giải quyết vụ án mẹ đẻ của anh P là bà Phạm Thị H cho rằng: Từ nhỏ đến nay cả 02 cháu sống cùng anh P và bà, được bà và anh P trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Mặt khác, anh P có thu nhập ổn định, bà cũng hỗ trợ, giúp đỡ anh P trong việc trông nom, chăm sóc 02 cháu. Chị T cũng từ chối nuôi hai con do điều kiện kinh tế của chị khó khăn, chị phải đi thuê nhà trọ. Điều này cũng phù hợp với lời trình bày của bà H. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao con Phạm Tú A và con Phạm Huyền A cho anh P nuôi dưỡng là phù hợp. Do anh P vắng mặt, chưa có lời trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Chị T, anh P có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Do chưa có lời trình bày của anh P, chị T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Chị T và anh P có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1.Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn anh Phạm Hồng P.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cho anh Phạm Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Tú A sinh ngày 28 tháng 01 năm 2017 và Phạm Huyền A, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2018.

Chị T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Chị T, anh P có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về chia tài sản chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tại biên lai số 0001314 ngày 14 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Hà Thị T và anh Phạm Hồng P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã N, huyện V, tỉnh Thái Bình;
(GCNKH số 33 ngày 03/10/2019).
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)